SỞ Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN PHÚ
Số: 3102/TB-BVĐKTP
V/v Mua sắm vật tư y tế - hóa chất xét nghiệm năm 2027

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tân Phú, ngày 12 tháng 11 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ thông báo chào giá số 2456/TB-BVĐKTP ngày 17/09/2026, thông báo chào giá số 2661/TB-BVĐKTP ngày 07/10/2026 về việc mời chào giá Mua sắm vật tư y tế - hóa chất xét nghiệm năm 2027.

Để có cơ sở xây dựng giá gói thầu Mua sắm vật tư y tế - hóa chất xét nghiệm năm 2027, Bệnh viện Đa khoa Tân Phú có nhu cầu tiếp nhận báo giá Mua sắm vật tư y tế - hóa chất xét nghiệm năm 2027 đối với các hàng hóa với nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Tân Phú.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá.

- Họ và tên: DS. Hồ Thị Cúc Mai.
- SĐT: (028)36220415
- Địa chỉ email: phongvttbyt2025@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: trong 3 cách sau:

- Nhận qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ: https://muasamcong.mpi.gov.vn/ (nhà thầu bắt buộc phải gửi hồ sơ chào giá trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).
- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Bệnh viện Đa khoa Tân Phú 609 – 611, Âu Cơ, P.Tân Phú, TP.HCM
- Nhận qua email: Quý công ty/ nhà cung cấp gửi file excel và bản scan có đóng dấu theo mẫu đính kèm đến email: phongvttbyt2025@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 12 tháng 11 năm 2026 đến trước 16h ngày 23 tháng 11 năm 2026. Sau thời gian này sẽ không được xem xét.

Các báo giá nhận được theo 3 hình thức nêu trên sẽ được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Phụ lục 1: danh mục hàng hóa yêu cầu theo danh sách đính kèm.
- Phụ lục 2: mẫu báo giá

- Phụ lục 3: mẫu dán ngoài phong thư báo giá.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban biên tập website BV (để đăng tin);
- Phòng VTTBYT
(Đăng tải Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia);
- Lưu VT, Phòng VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN PHÚ

Nguyễn Thanh Trường

PHỤ LỤC 1

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Thông báo mời chào giá số 3102 /TB-BVĐTP ngày 12 tháng 11 năm 2026)

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Băng mắt trẻ sơ sinh	Cái	50	Băng được làm bằng vải thun co giãn, kích thước phù hợp với trọng lượng trẻ, ôm sát đầu. Ở giữa có miếng vải sẫm màu dày để ngăn không cho ánh sáng xuyên qua gây hại cho ánh mắt của trẻ khi chiếu đèn hoặc phơi nắng Được tiệt trùng và đóng gói riêng từng cái.	
2	Dầu soi kính	Chai	2	Dung dịch dầu lỏng, nhớt, trong suốt, dùng soi kính hiển vi, chỉ số khúc xạ khoảng 1.5 (gần với thủy tinh), cho hình ảnh thực khi soi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 / ISO 9001:2015	
3	Giấy điện tim 12 cần	Cuộn	10	Giấy đo điện tim 210mm*30m*16mm (có sọc)	
4	Giấy in nhiệt	Cuộn	70	Kích thước:: 58mm*30m	
5	Giấy in nhiệt	Cuộn	250	Kích thước: 5cm x 20 mét. Đường kính cuộn: 4,5cm	
6	Giấy thử PH	Xấp	5	Dùng để kiểm tra độ PH	
7	Nẹp gỗ	Bộ	50	Bộ 10 cây; gồm các kích thước: 20cm; 40cm; 60cm; 80cm; 100cm	
8	Ống nghiệm thủy tinh 12*75	Cái	10.000	Ống nghiệm thủy tinh không vành 12 mm x 75 mm	
9	Que lấy bệnh phẩm	Gói	100	-Que lấy mẫu xét nghiệm cán bằng gỗ dài 175mm(±2mm), que lấy mẫu được gắn liền với nắp ống nhựa và ống nhựa, đầu que được quấn chặt bông có đường kính 4,5mm(±0,5mm) để lấy mẫu, đựng trong lọ nhựa PP đường kính 12mm, có nắp đậy. - Que lấy mẫu xét nghiệm được tiệt trùng bằng khí EO, vào bao riêng lẻ, gói 1 cái, bịch 100 cái. * Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	
10	Bộ gate (từ 1 đến 4)	Vĩ	7	Đây là mũi khoan dùng trong nha khoa làm bằng thép không gỉ. Sản phẩm chưa tiệt trùng. 2.Vật liệu chính 1) Lưỡi cắt: thép không gỉ (bao gồm ni-ken và crôm) 2) Chuôi: thép không gỉ (bao gồm ni-ken và crôm) Chiều dài: 28mm, 32mm, Size: #1,2,3,4,5,6	
11	Sáp xanh	Cây	10	Sáp xanh	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
12	Chỉ co nướu	Hộp	5	Chỉ co nướu các loại: trung bình, mảnh, rất mảnh, có đủ kích cỡ #0, #00, #000. Dùng để tách nướu trước khi lấy dấu cùi răng, tách nướu trường hợp trám xoang loại V, tách nướu để định đường hoàn tất trước khi mài cùi cho mão veneer cũng như trước khi gắn, tách nướu và kiểm soát dưới nướu trong quá trình điều trị nhạy cảm ở cổ răng. Chỉ co nướu được làm theo cấu trúc vòng xoắn, không bị bật ra, cố định được vị trí muốn đặt chỉ. Chất liệu 100% Cotton, không có chất co mạch. Quy cách: lọ 2.44m Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, FDA	
13	Chỉ nha khoa	Hộp	10	Chỉ nha khoa làm sạch răng, lấy mảng bám trên răng và kẽ giữa các răng, lấy vật liệu trám dư trong thủ thuật trám răng - Chất liệu: polytetrafluoroethylene (PTEF) hoặc sợi nilon - Cấu tạo: Sợi chỉ dạng mảnh, đơn sợi, trơn, dễ trượt qua các kẽ răng - Chiều dài cuộn tối thiểu 40m - Tiêu chuẩn chất lượng ISO	
14	Chốt	Cái	20	Chốt sử dụng trong nha khoa	
15	Đai celulo	Hộp	1	- Khuôn Directa đóng gói dưới dạng cắt sẵn nên rất tiện lợi để trám răng xoang II hoặc III nhanh chóng. - Các dải khuôn được làm bằng một loại nhựa siêu mỏng có độ bền kéo và độ dẻo cao, đảm bảo có thể kéo khuôn chặt và khít quanh răng mang lại độ kín bờ nướu của miếng trám tuyệt vời. - Available in 7, 55 mm wide curved or 7, 9 mm wide straight. Straight: 90x8 mm, t= 0,05 mm. Curved, 76x8 mm, t= 0,05 mm. - Quy cách: Hộp 100 cái - Tiêu chuẩn ISO	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
16	Đai kim loại	Gói	10	Đai trám kim loại: Có hình dạng theo giải phẫu cho các tiếp xúc lý tưởng. Đường cong ở gờ bên tạo khoảng tiếp cận mặt nhai. Có lỗ bên giúp dễ đặt khuôn. Đai trám dễ tương thích và dễ đánh bóng hơn. mã 5448 có chiều cao là 3.5mm mã 5450 có chiều cao là 4.5mm mã 5452 có chiều cao là 5.5mm mã 5454 có chiều cao là 6.5mm mã 5456 có chiều cao là 7.5mm Kim loại nitinol siêu đàn hồi duy trì lực trong quá trình thực hiện và giảm mệt mỏi theo chu kỳ • Nhẫn có tuổi thọ hơn 1000 lần sử dụng • Các thanh nylon chứa đầy thủy tinh sẽ không dễ bị gãy và không bị xẹp vào phần chuẩn bị và tạo ra các phục hình có đường viền dưới • Đường viền vòng giúp cố định dây đeo theo cách tự nhiên và phù hợp với giải phẫu hình dạng, giúp loại bỏ đèn flash và giảm lượng hoàn thiện cần thiết • Thiết kế có thể xếp chồng lên nhau cho phép sử dụng với MOD và các thiết bị khác Phục hồi loại II • Cung cấp sự tách biệt lý tưởng cho các phục hồi liên tiếp • Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	
17	Dầu máy (dầu tra tay khoan)	Chai	5	Dung dịch vệ sinh, bôi trơn cho các loại tay khoan dùng trong nha khoa bao gồm tay khoan tốc độ nhanh và tay khoan tốc độ chậm, khuỷu,...và máy tại khí động lực, giúp gia tăng tuổi thọ và hạn sử dụng tay khoan - Chất liệu: dầu bảo dưỡng sinh học có độ tinh khiết, hạt mịn - Thể tích : 500ml - Chai dạng xịt kèm nắp xịt tương thích cho tất cảcác tay khoan như trên - Quy cách: Chai (x 500ml + 1 đầu xịt) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/CFS Châu Âu.	
18	Giấy nhám	Tờ	5	Giấy nhám	
19	Lá sáp	Hộp	10	Sản phẩm lá sáp nha khoa loại 2 có độ tan chảy thấp, thích hợp dùng trong các kỹ thuật gián tiếp. Sản phẩm được cấu tạo bởi các chất esters có trọng lượng mol thấp chiết xuất từ các acid béo có trong các thành phần tự nhiên hoặc nhân tạo ví dụ như các dẫn xuất của dầu hỏa. Các chất này có thể hóa mềm dẻo ở nhiệt độ tương đối thấp (45-55°C). Màu: hồng, hồng nhạt, đỏ. Loại: Mềm, trung bình, cứng và siêu cứng Đóng gói: Hộpx500 gr (25 miếng) Tiêu chuẩn ISO	
20	Mũi khoan tiểu phẫu (dùng tay khoan chậm) 45 mm,size 1,6 mm	Mũi	300	Size 702. Dài 44,5mm, đầu mũi 1,6mm.	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
21	Mũi/ đĩa đánh bóng composite	Cái	24	Đầu đánh bóng răng bằng silicon dùng trong trám răng composite - Chất liệu: phần đầu bằng silicone, phần thân bằng nhựa hoặc thép không gỉ - Hình dạng: đĩa, chóp... - Chiều dài: khoảng 2.5 → 3 cm . - Tương thích với tay khoan khuỷu/thẳng tốc độ chậm Tiêu chuẩn ISO, CE,FDA	
22	Thạch cao Planet	Bịch	20	Thạch cao dùng cho chỉnh nha màu trắng Elite Ortho White với thời gian hoàn tất chỉ 15' sau khi đổ mẫu với tính chính xác, độ chịu nén cao. Quy cách: Bịch 3 kg Tiêu chuẩn ISO	
23	Tẩy trắng răng	Ống	15	- Thành phần: Carbamide Peroxide Potassium Nitrate. Fluoride Nồng độ 20% - PF (Nitrat Kali và Fluor) Nitrat Kali có tác dụng giảm ê buốt, fluor có tác dụng giảm sâu răng và làm cứng men răng. Cả hai phối hợp cải thiện sức khỏe tổng quát của răng. Ngoài ra, sản phẩm được sản xuất theo công thức chứa 20% nước giúp giảm tình trạng mất nước và tái phát màu - Được chỉ định làm trắng các răng nhiễm màu trước khi trám Composite, veneer hoặc mão. - Dạng gel giúp giữ yên khay và bảo đảm lượng thuốc bên trong, không chảy thấm vào mô mềm.M15 An toàn theo tiêu chuẩn Châu Âu,	
24	Thạch cao trắng	Bịch	8	Thạch cao dùng cho chỉnh nha màu trắng Elite Ortho White với thời gian hoàn tất chỉ 15' sau khi đổ mẫu với tính chính xác Độ bền nén cao đảm bảo giảm mài mòn và tăng độ chính xác hơn của mẫu hàm Quy cách: Bịch 3kg	
25	Vaselin	Lọ	50	Vaselin	
26	Eryclone anti Human Globulin (AHG)	Hộp	20	Huyết thanh chuẩn đoán Spectrum Anti-Human Globulin để phát hiện in- vitro của lớp phủ kháng thể ở hồng cầu người. Độ đặc hiệu 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485.	
27	Matrix Diluent - 2 Liss Diluent	Chai	2	dung dịch đệm có nồng độ ion thấp, được sử dụng trong huyết thanh học, đặc biệt là trong các xét nghiệm phát hiện và định danh kháng globulin người. Dung dịch này bao gồm natri clorid và được thiết kế để giảm thiểu tác động của ion, tạo môi trường phù hợp cho các phản ứng huyết thanh học, thường được sử dụng cùng với các thuốc thử anti-human globulin (AHG).	
28	Thuốc nhuộm xanh Cresyl bão hòa (Xét nghiệm Hồng cầu lưới)	Chai	1	Thuốc nhuộm xanh Cresyl bão hòa (Xét nghiệm Hồng cầu lưới)	
29	Giấy điện tim 6 cần	Xấp	80	- Kích thước 145x150mmx400 tờ - Có sọc.	
30	Glucose dung nạp	Kg	250	Đường Glucose dạng bột mịn, màu trắng ngà, tinh khiết. Bảo quản mát, kín, tránh sánh sáng trực tiếp.	
31	Thuốc tẩy Javel	Lít	3.000	Sodium hypochlorite NaClO 10-12%, tẩy trắng vải sợi, tiệt trùng nước, vệ sinh môi trường. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 14001, COA.	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
32	Ống hút tai lớn	Cái	11.000	Sản phẩm được ép từ nhựa HD ,nhẹ, trơn láng không làm trầy xước niêm mạc tai -Màu sắc: trắng trong.không có mùi hóa chất. Công dụng : hút dịch, mũ, ráy tai, dị vật từ ống tai ngoài của bệnh nhân	
33	Ống xông mũi họng	Cái	250	sản phẩm được ép từ hạt nhựa HD.Nhẹ, trơn láng không làm trầy xước niêm mạc mũi.Trắng trong, không có mùi hóa chất	
34	Clip Polyme kẹp mạch máu cỡ L	cái	100	Clip mạch máu - Chất liệu Polymer - Đường kính 5 - 13 mm - Hình dáng zigzag chống trượt, có khoá an toàn, có thể mở ra lại - Thắt mô đến 10mm qua trocar 5 và 16mm qua trocar 10 - Clip Polymer không hấp thụ trợ, không dẫn điện, tương thích với CT/MRI, phản hồi xúc giác. - Độ mở clip: 16 mm, Chiều dài ngạnh trong: 1.3 mm, chiều dài ngạnh ngoài 2.5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO - Tương thích với kìm kẹp clip có tại bệnh viện	
35	Giấy in máy dán barcode tự động	Cuộn	350	Loại giấy decal in nhiệt Kích thước nhãn mã vạch: + Chiều rộng: 50mm + Chiều dài: 30mm Số lượng; 2.000 tem/cuộn Tương thích với máy sẵn có tại Bệnh viện Quy cách: Cuộn dài 66m/2000 tem	
36	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể HBeAb	Test	350	Xét nghiệm chẩn đoán In-vitro định tính phát hiện kháng thể HBeAb trong huyết thanh hoặc huyết tương người Hoạt chất chính: Kháng thể kháng HBe, HBeAg Hạn dùng: 24 tháng Hiệu quả chẩn đoán: - Độ nhạy tương quan: 94.5% (95%CI*: 88.51% - 97.45%) - Độ đặc hiệu tương quan: 97.3% (95%CI*: 94.90% - 98.56%) - Độ chính xác tương quan: 96.6% (95%CI*: 94.44% - 97.92%) *95%CI: Khoảng tin cậy 95%	
37	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể HBcAb	Test	250	Xét nghiệm miễn dịch sắc ký, sử dụng để định tính phát hiện sự có mặt HBcAb trong máu toàn phần huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Độ nhạy: 97,22% - Độ đặc hiệu: 98,64% - Độ chính xác: 97,75%	
38	Đĩa bay hơi	Cái/ Miếng	5	- Đĩa phân tán H2O2 của máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp STERRAD; - Tích hợp vs máy STERRAD	
39	Nước rửa tay 2%	Chai	2.000	Chlorhexidine gluconate (Chlorhexidine digluconate) 2,0 %. Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Olive oil PEG 8- Esters Chất hoạt động bề mặt: Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside, Cocamide DEA, Alkyl polyglycoside,... Chất bảo quản: Acid citric,... Chất làm đặc, hương liệu và các tá dược.Duy trì hiệu quả diệt khuẩn ≥ 06 giờ, đạt tiêu chuẩn rửa tay ngoại khoa, thường quy của Bộ Y tế. Có chỉ định tắm cho bệnh nhân trước phẫu thuật.	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
40	Sát khuẩn tay nhanh	Chai	3.000	Thành phần: 70 % w/w Ethanol (700mg/g) + 2 % w/w Iso- propanol (2- Propanol/ Propan- 2-ol) Dung dịch vệ sinh tay thường quy và vệ sinh tay ngoại khoa dạng thixotropic gel, không màu, không mùi. Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay thường quy, ngoại khoa theo yêu cầu của Bộ Y tế Việt Nam. Diệt các vi sinh vật Salmonella typhi, Staphylococcus aureus, Escherichia coli, Shigella flexneri, Pseudomonas aeruginosa, Bacillus subtilis, Mycobacterium turberculosis, nấm cadina sau 30 giây. Bất hoạt các virus có vỏ bọc HIV, HBV,HCV, Virus cúm, virus 17 hợp bào hô hấp, đậu mùa,...	
41	Dung dịch sát khuẩn miệng	Chai	50	Chlorhexidine Digluconate: 0,12%, Aqua Purificata, Sorbitol, Glycerin, Polysorbate 80, Eucalyptol, E955, Sodium benzoate, Menthol (and) Menthyl Lactate, E122	
42	Pap nhuộm dịch	Kit test	3.000	- Bộ kit gồm các thành phần: - 1 chổi thu tế bào. Công dụng: Dùng để lấy tế bào cổ tử cung. - 1 lọ dung dịch bảo quản tế bào: Thành phần chính chưa 10-30% Ethanol hoặc 30-60% Methanol. - Mẫu bệnh phẩm được xử lý và trải trên lam theo công nghệ hút chân không qua màng lọc tế báo, tế bào được dàn đều trên 1 mặt phẳng, không bị chồng lắp, có khoảng cách giữa các tế bào - Giá tham dự thầu bao gồm giao nhận và trả kết quả tại Bệnh viện đa khoa Tân Phú. - Thời gian phân tích và trả phiếu kết quả phân tích: không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận mẫu. - Giao vật tư tại kho phòng VT-TBYT, nhận mẫu và trả kết quả tại Khoa sản. Tiêu chuẩn CE/FDA	
43	Tầm soát HPV định type	Kit test	3.000	- Mục tiêu phát hiện các type HPV nguy cơ cao (HR) và phát hiện phân biệt 4 type HPV: HPV 6, HPV 11, HPV 16 và HPV 18 - Loại mẫu đầu vào: Mẫu dịch phết hoặc sinh thiết cổ tử cung - Lượng mẫu đầu vào tách chiết 200 µL - 400 µL - Thành phần bộ kit gồm: HR qPCR mix, 4TYPE qPCR mix, chứng dương HR, chứng dương 4TYPE, chứng âm, PCR tube hặc cartridge, bọc thanh từ, enzyme Proteinase K, đệm PEB. - Bộ kit được thiết kế để phát hiện các mảnh trong vùng gen L1. - Giá tham dự thầu bao gồm giao nhận và trả kết quả tại Bệnh viện đa khoa Tân Phú. - Thời gian phân tích và trả phiếu kết quả phân tích: không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận mẫu. - Giao vật tư tại kho phòng VT-TBYT, nhận mẫu và trả kết quả tại Khoa sản.	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
44	Bộ Catheter động mạch xâm lấn dùng 01 lần	Sợi	2	* Đa dạng kích cỡ: 18Ga dài 8cm/12cm, 20Ga dài 4.5cm/8cm (đặc biệt cỡ 20Ga x 4.5cm thích hợp đặt đường quay). * Bộ catheter 20Ga thiết kế có sleeve (ống đỡ) ở đầu ra catheter giúp chống gãy gập khi lưu lâu và đóng gói dây dẫn nằm sẵn trong catheter . Bộ 18Ga đóng gói có thêm 1 khóa 3 ngã có dây giúp kết nối dễ dàng, tiện lợi. * Tốc độ dòng 18Ga x 8cm (66.2ml/phút); 18Ga x 12cm (53.3ml/phút) hoặc 20Ga x 4.5cm (23ml/phút), 20Ga x 8cm (18ml/phút) *Đóng gói đầy đủ phụ kiện +Guide wire đầu J 0.035"x 50cm hoặc thẳng 0.021"x 20cm + Kim dẫn thẳng 18Ga x 7cm hoặc 20Ga x 4cm +Bơm tiêm 5cc hoặc 2.5cc + Khóa 3 ngã và dao mổ (cho bộ kích cỡ catheter 18Ga) Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	
45	Dầu Parafin	Lít	20	Độ nhớt ở 40 độ C: 9-11 cst	
46	Bàn chải lông đen dùng rửa tay phẫu thuật	Cái	100	Kích cỡ: 16 hàng dọc x 7 dòng ngang Đđkt: cán PP, sợi nylon, hấp tiệt trùng 130 độ	
47	Dụng cụ làm ẩm khí thở	Bộ	50	Làm ẩm khí thở cho bệnh nhân thở máy	
48	Trocar nhựa dùng 1 lần các size	Cái	10	Dụng cụ được làm bằng vật liệu nhựa ABS, PC và Silica gel - Thân ngoài có rãnh cố định. - Đường vào hình phễu có khóa giữ camera	
49	Bao cao su	Hộp	150	Chất liệu cao su thiên nhiên, dầu silicone có độ nhớt từ 200 đến 350CS.tiệt trùng , dài không nhỏ hơn 170mm, rộng 52mm sai số 2mm, độ dày 0,065mm (±0,015mm) không gây hại , không gây dị ứng.	
50	Chỉ thép cuộn 3m/cuộn	cuộn	1		
51	Gạc băng mắt (hình Oval)	Miếng	1.200	- Nguyên liệu: + Vải không dệt (70% viscose, 30% polyester), mịn màng, mềm mại, trắng mịn, thấm hút tốt, dạng màng mỏng thoáng khí, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường. + Bông giữa 2 lớp gạc 100% bông xơ tự nhiên, khả năng hút nước của bông: Trung bình 5g bông giữ được ≥ 100g nước, tốc độ chìm (thấm hút) ≤ 8s, Viền mép bông được ép kín không hở mép - Quy cách: 5x7cm tiệt trùng, hình chữ nhật bo góc Tiệt trùng bằng khí EO gas Tiêu chuẩn: CE,GMP, ISO 13485: 2016; ISO 9001:2015, TCCS	
52	Gạc cầu sản khoa 40*40cm có dây tiệt trùng	Gói	600	- Cuộn bông y tế giữa 2 lớp gạc được làm 100% bông xơ tự nhiên dùng trong y tế, có khả năng tự hủy và thân thiện với môi trường. Màu trắng tự nhiên; không sử dụng chất nhuộm màu; được xử lý mảng mịn trơn láng, giảm thiểu tối đa xơ thừa. + Khả năng hút nước: Trung bình 5g bông giữ được ≥100g nước. + Tốc độ chìm ≤ 8s. + Chất tan trong nước: không quá 0,5%. Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính. - 1 lớp Vải bọc bên ngoài là Gạc y tế (Gạc hút): sợi cotton 100%; không ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi; màu trắng mịn tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng; Tốc độ thấm hút ≤ 8s. Quy cách: : Bông giữa 2 lớp gạc quấn viên Ø40mm, có dây, hình cầu. - Đóng gói: 2 viên/gói Tiệt trùng bằng khí EO gas Tiêu chuẩn: CE.GMP, ISO 13485: 2016; ISO 9001:2015, TCCS	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
53	Gạc dẫn lưu (Mũi) 0.01*3*4 lớp	Cuộn	300	- Nguyên liệu: Sản phẩm được làm từ vải không dệt thấm nước (30% polyester, 70% viscose) có độ thấm hút rất cao, màu trắng, không mùi, không lẫn tạp chất, không vàng ố, không nấm mốc, không ẩm ướt. Có khả năng thấm hút cao và nhanh; Bề mặt mịn màng. Không bị tưa khi sử dụng,. - Quy cách: 1x300cmx 4 lớp , CQTT - Tiệt trùng bằng khí EO-Gas - Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016;GMP	
54	Gạc dẫn lưu 3x30x6 lớp cản quang tiệt trùng	Gói	330	- Nguyên liệu: Sản phẩm được làm từ vải không dệt thấm nước (30% polyester, 70% viscose) có độ thấm hút rất cao, màu trắng, không mùi, không lẫn tạp chất, không vàng ố, không nấm mốc, không ẩm ướt. Có khả năng thấm hút cao và nhanh; Bề mặt mịn màng. Không bị tưa khi sử dụng,. - Quy cách: 2x30cmx 6 lớp , TT - Tiệt trùng bằng khí EO Gas - Tiêu chuẩn: CE,GMP, ISO 13485: 2016; ISO 9001:2015, TCCS	
55	Gạc nội soi 2cm*30cm*6 lớp	Gói	330	- Nguyên liệu: Sản phẩm được làm từ vải không dệt thấm nước (30% polyester, 70% viscose) có độ thấm hút rất cao, màu trắng, không mùi, không lẫn tạp chất, không vàng ố, không nấm mốc, không ẩm ướt. Có khả năng thấm hút cao và nhanh; Bề mặt mịn màng. Không bị tưa khi sử dụng,. - Quy cách: 2x30cmx 6 lớp , TT - Tiệt trùng bằng khí EO Gas - Tiêu chuẩn: CE,GMP, ISO 13485: 2016; ISO 9001:2015, TCCS	
56	Thạch cao GIC	Bịch	25	Thạch cao dùng cho chỉnh nha màu trắng Elite Ortho White với thời gian hoàn tất chỉ 15' sau khi đổ mẫu với tính chính xác, độ chịu nén cao. Quy cách: Bịch 3kg Xuất xứ Châu Âu	
57	Tê bôi	lọ	30	tê bôi	
58	RIQAS Blood Gas (CTNK Khí Máu)	Hộp	2	Chương trình ngoại kiểm Khí máu đáp ứng trên 10 thông số khí máu, Glucose và điện giải, bao gồm cả thông số Bicarbonate và CO2 (total). Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn	
59	RIQAS Coagulation (CTNK Đông Máu)	Hộp	3	Chương trình ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Có bài cáo cáo phù hợp chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn	
60	RIQAS Glycated Haemoglobin (HbA1c) (CTNK HbA1c)	Hộp	3	Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thông số . Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn	
61	RIQAS Maternal Screening (CTNK Sàng Lọc Trước Sinh)	Hộp	3	Chương trình ngoại kiểm Sàng lọc trước sinh, đáp ứng 6 thông số. Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn	
62	RIQAS Monthly Immunoassay (CTNK Miễn Dịch)	Hộp	2	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng trên 48 thông số bao gồm cả thuốc trị liệu, hormones, dấu ấn ung thư, bao gồm cả thông số Gentamicin, PTH và 1-25-(OH)2-Vitamin D. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
63	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry (CTNK Sinh hóa)	Hộp	2	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số thường quy, bộ mỡ, hormones, kim loại vi lượng, bao gồm cả Fructosamine ACE (Angiotensin Converting Enzyme), D-3-Hydroxybutyrate và eGFR (estimated glomerular filtration rate). Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	
64	RIQAS Cardiac Plus (CTNK Tim mạch)	Hộp	2	Chương trình ngoại kiểm Tim mạch đáp ứng trên 10 thông số dấu ấn tim mạch, bao gồm cả thông số CK-MB activity và CK-MB mass. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn	
65	RIQAS Monthly Haematology (CTNK Huyết học)	Hộp	5	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng trên 10 thông số công thức máu, bao gồm cả thông số Plateletcrit (PCT). Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm, phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	
66	RIQAS ESR (CTNK tốc độ máu lắng)	Hộp	2	Chương trình ngoại kiểm tốc độ máu lắng. Gồm 1 thông số ESR. Có chu kỳ bắt đầu tháng 3 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	
67	BA 90	Đĩa	2.500	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt các kiểu hình tiêu huyết (α, ß, γ). Áp dụng nuôi cấy phân lập tác nhân nhiễm trùng từ các bệnh phẩm đường hô hấp, quệt hầu họng, mủ - dịch tiết …Thành phần Peptone (0,552g); Corn starch (24mg); Sodium chloride (0,12g); Agar (0,36g); Nước cất (24mL); Máu cừu (1,6mL) Cảm quan: Màu sắc: đỏ máu; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp	
68	CAHI 90	Đĩa	1.000	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Thạch nâu có bổ sung bacitracin nuôi cấy chọn lọc Haemophilus influenzae. Áp dụng nuôi cấy phân lập bệnh phẩm đường hô hấp. Thành phần Peptone (0,552g); Corn starch (24mg); Sodium chloride (0,12g); Agar (0,36g); Nước cất (24mL); Máu ngựa (1,6mL); Bacitracin (480UI) Cảm quan:Màu sắc: màu nâu; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp	
69	MC 90	Đĩa	2.000	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường nuôi cấy chọn lọc và phân biệt khả năng lên men lactose của trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Áp dụng nuôi cấy phân lập tác nhân nhiễm trùng từ các bệnh phẩm khác nhau. Thành phần Peptones (72mg); Pancreatic digest of gelatin (0,4g); Lactose monohydrate (0,24g); Bile salts (36mg); Sodium chloride (0,12g); Crystal violet (0,024mg); Neutral red (0,72mg); Agar (0,4g); Nước cất 24mL. Cảm quan: Màu sắc: màu tím nhạt; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
70	MHA 20	Đĩa	1.000	Công dụng: Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh hoặc bằng que MIC trên vi khuẩn dễ mọc. Đĩa thạch vuông có kích thước 120 × 120mm thực hiện kháng sinh đồ cho 16 đĩa kháng sinh hoặc 4 que MIC. Thành phần Beef extract (48mg); Acid hydrolysate of Casein (0,42g); Starch (36mg); Agar (0,4g); Nước cất (24mL). Cảm quan: Màu sắc: màu trắng nhạt; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp	
71	MHBA 120	Đĩa	100	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường Mueller Hinton Agar có bổ sung 5% máu cừu thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh hoặc bằng que MIC với streptococcus và N. meningitidis.. Thành phần Beef extract (48mg); Acid hydrolysate of Casein (0,42g); Starch (36mg); Agar (0,4g); Nước cất (24mL); Máu cừu (1,6mL). Cảm quan: Màu sắc: Đỏ máu; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp	
72	BHI Broth	Lọ	300	Tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ H. influenzae. Môi trường được chứa trong lọ thủy tinh nắp vặn có dung tích 3mL, kích thước 40 × 16mm.	
73	Nước muối sinh lý 0.85% vô trùng	Lọ	1.250	Lọ thủy tinh nắp vặn có kích thước 40 × 16mm,. Chuẩn bị huyền dịch vi sinh cho thử nghiệm định danh hoặc kháng sinh đồ	
74	Huyết tương thỏ khô	Lọ	300	Dùng thực hiện thử nghiệm coagulase để phân biệt Staphylococcus aureus với Coagulase negative staphylococcus, có thành phần chính là huyết tương thỏ đông khô và được chứa trong lọ thủy tinh nút cao su có đóng nắp nhôm.	
75	Bile Esculine	Lọ	60	Lọ thủy tinh nắp vặn có kích thước 40 × 16mm. Thực hiện thử nghiệm thủy giải esculin với sự hiện diện của 40% bile, dùng phân biệt Group D streptococcus với các streptococcus khác.	
76	TSB có 6.5% NaCl	Lọ	60	Lọ thủy tinh nắp vặn có kích thước 40 × 16mm. Thực hiện thử nghiệm dung nạp 6.5% sodium chloride để phân biệt Enterococcus với non – Enterococcus.	
77	Pyruvate	Lọ	60	Lọ thủy tinh nắp vặn có kích thước 40 × 16mm. Thực hiện thử nghiệm biến dưỡng citrate để phân biệt E. faecalis với E. faecium.	
78	BHI glycerol 20%	Tube	250	Đựng trong tube eppendorf dung tích 1,5ml. Môi trường có dạng lỏng. Dùng để bảo quản và lưu giữ vi khuẩn trong điều kiện nhiệt độ âm. Thời gian bảo quản chủng vi khuẩn tùy thuộc và ngưỡng nhiệt độ bảo quản: - 20 độ C (1 năm); -30 độ C (2 năm); -70 độ C (10 năm). Thành phần Brain Heart, Infusion (3mg); Peptic Digest of Animal Tissue (3mg); Pancreatic Digest of Gelatin (7,5mg); Dextrose (1,5mg); Sodium Chloride (1,25mg); Disodium Phosphate (1,25mg); Glycerol (0,1mL); Nước cất (0,5mL).	
79	IDS 14 GNR	Bộ	75	Hệ thống gồm 14 thử nghiệm sinh hóa dùng để thực hiện định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc (Enterobacteriaceae, non Enterobacteriaceae, Vibrio). Thực hiện thử nghiệm sinh hóa bằng bộ định danh IDS 14 GNR. Dựa trên kết quả thử nghiệm sinh hóa để xác định điểm số, tra cứu điểm số vào hệ thống mã số để định danh vi khuẩn.	
80	Hydrogen Peroxidase (H2O2) 2ml	Lọ	2	Lọ có chứa 2ml thuốc thử dùng thực hiện thử nghiệm phát hiện Catalase	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
81	Đĩa kháng sinh các loại	Lọ	300	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Đĩa kháng sinh được dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ theo phương pháp khuếch tán kháng sinh trong thạch. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh và dựa vào đường kính vòng vô khuẩn để biện luận vi khuẩn đề kháng, trung gian, nhạy cảm theo tiêu chuẩn CLSI hoặc EUCAST.	
82	Bacitracin (Taxo A)	Lọ	4	Đĩa giấy sinh hóa được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Dùng để thực hiện thử nghiệm nhạy cảm Bacitracin để phân biệt S. pyogenes (Group A) với S. agalactiae (Group B).	
83	Optochin (Toxo P)	Lọ	5	Đĩa giấy sinh hóa được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Dùng để thực hiện thử nghiệm nhạy cảm Optochin để phân biệt S. pneumoniae với Viridans streptococcus.	
84	BHI hai phase	Chai	500	Chai cấy máu hai pha được dùng để thực hiện xét nghiệm cấy máu tìm tác nhân gây nhiễm khuẩn huyết. Chai có hai pha, pha đặc với môi trường là BHI agar và pha lỏng BHI lỏng có SPS (Sigma) với vai trò kháng đông. Cảm quan: Màu sắc: vàng nhạt; Đồng nhất: Đồng nhất, không lợn cợn, không tách lớp	
85	Bộ nhuộm Gram	Bộ	6	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Chai 100mL đựng trong chai có dung tích 125mL, kích thước 100 × 60mm. Công dụng: Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Thành phần gồm 04 loại dung dịch là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranine. Cảm quan: Các dung dịch nhuộm được chứa trong các chai còn nguyên vòng niêm phong	
86	Alcohol Acide	Chai	8	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Chai 500mL đựng trong chai có dung tích 600mL, kích thước 170 × 70mm. Công dụng: Dung dịch thành phần của thuốc nhuộm Gram và Ziehl Neelsen Cảm quan: Các dung dịch nhuộm được chứa trong các chai còn nguyên vòng niêm phong	
87	Carbo fushin	Chai	8	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Chai 500mL đựng trong chai có dung tích 600mL, kích thước 170 × 70mm. Công dụng: Dung dịch thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen Cảm quan: Các dung dịch nhuộm được chứa trong các chai còn nguyên vòng niêm phong	
88	Methylen blue	Chai	8	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Chai 500mL đựng trong chai có dung tích 600mL, kích thước 170 × 70mm. Công dụng: Dung dịch thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen Cảm quan: Các dung dịch nhuộm được chứa trong các chai còn nguyên vòng niêm phong	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
89	Giemsa	Chai	2	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Chai 500mL đựng trong chai có dung tích 600mL, kích thước 170 × 70mm. Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa Cảm quan: Các dung dịch nhuộm được chứa trong các chai còn nguyên vòng niêm phong	
90	Bộ định danh que giấy X/V/XV	Bộ	4	Bộ định danh que giấy IVD NK-X/V/XV gồm 3 tube (1 tube chứa que giấy X, 1 tube chứa que giấy V, 1 tube chứa que giấy XV), mỗi tube chứa 10 que giấy dùng thực hiện thử nghiệm xác định nhu cầu cần yếu tố X (hemin) và/hoặc V (NAD: nicotin adenine dinucleotide) để định danh vi khuẩn Haemophilus	
91	Cán cấy	Cái	4	Bằng inox có phần tay cầm cách nhiệt. Dùng làm cán cho kim hay các loại vòng cấy, thành vòng cấy định lượng, vòng cấy thường cứng, vòng cấy thường mềm hoàn chỉnh	
92	Đầu tip vô trùng 100 - 200 ul	Hộp	15	- Đầu tip hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cấy hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử - Chiều dài (sai số cho phép +/-5%): ≥ 50mm - Thể tích hút (sai số cho phép +/-5%): 100-200ul - Chất liệu nhựa PP (Polypropylene) hoặc tương đương - Độ vô trùng: 100%. Vô trùng bằng Ethylen Oxit - Hạn sử dụng: tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất	
93	Đầu tip vô trùng 1000ul	Hộp	4	- Đầu tip hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cấy hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử - Chiều dài (sai số cho phép +/-5%): ≥ 73mm - Thể tích hút (sai số cho phép +/-5%): 200-1000ul - Chất liệu nhựa PP (Polypropylene) hoặc tương đương - Độ vô trùng: 100%. Vô trùng bằng Ethylen Oxit - Hạn sử dụng: tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất	
94	Lọ vô trùng	Lọ	2.500	Lọ lấy mẫu vô trùng có đường kính (kể cả phần thành lọ) : 37mm. Độ dày của thành lọ : 0.5mm. Chiều cao của lọ : 58mm. Lọ miệng rộng, nắp vặn chặt, vô trùng từng cái, thích hợp cho lấy các mẫu dịch như nước tiểu, dịch màng phổi, mủ apxe, phân tươi.	
95	Tăm bông vô trùng	Que	12.500	Que vào bao riêng lẻ, hàn kín vô trùng từng que * Chiều dài Ống nhựa : 180mm; Ø 10mm * Chiều dài Cán que : 70mm; Ø 10mm Dùng để lấy các mẫu vi sinh cần hoặc không cần môi trường chuyên chở tùy vào mục đích xét nghiệm	
96	Vòng cấy định lượng	Cái	4	Vòng cấy bằng kim loại, không cán. Thể tích đầu vòng cấy 1ul. Dài 100mm. Gắn vào cán sẽ thành vòng cấy định lượng hoàn chỉnh. Đốt nóng nhanh, làm nguội nhanh	
97	Vòng cấy thường cứng	Cái	7	Vòng cấy bằng kim loại, không cán. Thể tích đầu vòng cấy 10ul. Dài 85mm. Gắn vào cán sẽ thành vòng cấy thường cứng hoàn chỉnh. Đốt nóng nhanh, làm nguội nhanh	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
98	SAB 90 (Sabauraud Dextrose Agar)	Đĩa	200	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường nuôi cấy vi nấm. Áp dụng phân lập vi nấm từ các bệnh phẩm. Thành phần Dextrose (0,96g); Peptone (0,24g); Agar (0,36g); Nước cất (24mL). Cảm quan: Màu sắc: trắng ngà; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp	
99	Bộ phát hiện vi khuẩn H.Pylori	Test	14.000	Được dùng để phát hiện và định danh nhanh Helicobacter pylori có trong bệnh phẩm nội soi dạ dày hoặc trên môi trường nuôi cấy. Đặc trưng của H. pylori là có khả năng sinh ra men urease tác dụng phân hủy rất nhanh urea thành hydroxid amonium và làm kiềm hóa môi trường và được nhận diện nhờ chất chỉ thị pH. Nếu có vi khuẩn H. pylori làm cho NK-PYLORI TEST có màu đỏ cánh sen trong vòng 1 giờ (đối với bệnh phẩm nội soi dạ dày) và trong vòng 1 phút (vi khuẩn trên môi trường nuôi cấy). NK-PYLORI TEST là môi trường chuyên biệt dạng gel dùng để phát hiện nhanh vi khuẩn H. pylori và được chứa trong giếng của một bảng nhựa. Mỗi bảng nhựa tương đương với một thử nghiệm được dùng cho một bệnh phẩm hoặc mẫu thử. Bảng nhựa được làm bằng PS, màu trắng trong, Bảng nhựa có kích thước bề mặt 50×20mm. Chiều cao của bảng nhựa 15mm. Ngay giữa bảng nhựa có giếng với đường kính 6mm và chiều cao của giếng 10mm	
100	Băng gạc tiệt trùng	Miếng	5.300	- Thấm hút, thoáng chống nước từ bên ngoài - Chất keo dán ít gây dị ứng; nhiều size: 10*15; 10*20; 10*25	
101	Đinh nội tủy rỗng nòng đầu trên xương đùi chống xoay	Bộ	2	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Đinh nội tủy rỗng nòng đầu trên xương đùi chống xoay PFNA loại ngắn có đường kính đầu 16mm, đường kính thân từ 9/10/11/12mm, dài từ 170-240mm, đầu gần và đầu xa 1 lỗ bắt vít. Loại dài có đường kính 16mm, đường kính thân từ 9/10/11/12mm, dài từ 300-420mm, trái/phải đầu gần có 1 lỗ bắt vít đầu xa có 2 lỗ bắt vít. - Sử dụng lưỡi đinh đường kính 10mm, dài từ 70- 120mm bước tăng 5mm và vít chốt đường kính 5.0mm, dài 26-100mm, từ 26-80mm bước tăng 2mm, từ 80- 100mm bước tăng 5mm, đường kính đầu vít 8.0mm, đường kính thân vít 5.0mm, đường kính lõi vít 3.9mm, bước ren 1.75mm, nắp đinh đường kính 6.0mm, tương ứng chiều dài 28.5/33.5/38.5/43.5mm. - Tiêu chuẩn ISO	
102	Đinh nội tủy rỗng nòng xương đùi	Bộ	2	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Đinh nội tủy rỗng nòng xương đùi có đường kính từ 9/10/11/12mm, chiều dài từ 300-460mm, trái/phải, đầu đinh có đường kính 13mm, đầu gần có 4 lỗ bắt vít đầu xa có 3 lỗ bắt vít. - Sử dụng vít chốt cổ đường kính 6.5mm dài 60-115mm, bước tăng 5mm, đường kính đầu vít 8.0mm, đường kính thân vít 6.5mm, đường kính lõi vít 4.5mm, bước ren 2.5mm và vít chốt đường kính 5.0mm, dài 26-100mm, từ 26-80mm bước tăng 2mm, từ 80- 100mm bước tăng 5mm, đường kính đầu vít 8.0mm, đường kính thân vít 5.0mm, đường kính lõi vít 3.9mm, bước ren 1.75mm, nắp đinh đường kính 6.7mm, tương ứng chiều dài 11.5/16.5/21.5/26.5mm. - Tiêu chuẩn ISO	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
103	Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày	Bộ	3	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày có đường kính từ 8.5/9/10mm, chiều dài từ 255-405mm, đầu đinh có đường kính 11mm, đầu gần có 5 lỗ bắt vít đầu xa có 4 lỗ bắt vít - Sử dụng vít chốt đường kính 4.0mm từ 24- 80mm bước tăng 2mm, đường kính đầu vít 8.0mm, đường kính thân vít 4.0mm, đường kính lõi vít 3.4mm, bước ren 2.5mm và vít chốt đường kính 5.0mm, dài 24-100mm, từ 24-80mm bước tăng 2mm, từ 80-100mm bước tăng 5mm, đường kính đầu vít 8.0mm, đường kính thân vít 5.0mm, đường kính lõi vít 4.3mm, bước ren 2.5mm và nắp đinh đường kính 6.5mm, tương ứng chiều dài 12/17/22/27mm. - Tiêu chuẩn ISO	
104	Nẹp khóa thân xương đòn chữ S	Cái	20	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 6/7/8/9/10/12 lỗ thân, tương ứng chiều dài 69.5/81.5/93/105/115.5/135mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 12mm - Thân và đầu nẹp dày 3mm, rộng 10mm. - Thân nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
105	Nẹp khóa thân xương đòn nén ép	Cái	20	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 6/7/8 lỗ thân, tương ứng chiều dài 94/106.5/117.5mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 11mm - Thân và đầu nẹp dày 3.2mm, rộng 10mm - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro, vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.0mm dài 12-60mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
106	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn	Cái	13	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 6 lỗ đầu sử dụng vít khóa 2.7mm dài 6-60mm, tự taro, thân nẹp có 3/4/5/6/7/8 lỗ, tương ứng chiều dài 69/81/94/108/123/135mm, trái/ phải, khoảng cách lỗ 12mm. - Đầu nẹp dày 3mm, rộng 16mm, thân nẹp dày 3.4mm, rộng 10mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
107	Nẹp khóa móc cùng đòn	Cái	13	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có móc cao từ 15mm/18mm, thân nẹp có 3/4/5/6/7/8 lỗ, tương ứng chiều dài 52/62/72/82/95/106mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 10mm. - Đầu nẹp dày 2.2mm, rộng 19mm, thân nẹp dày 3.5mm, rộng 10mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
108	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Cái	13	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 10 lỗ đầu, thân nẹp có 2/3/4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/14 lỗ, tương ứng chiều dài 90/102/114/126/138/150/162/174/186/198/210/222/234mm, khoảng cách lỗ 12mm. -Đầu nẹp dày 1.6mm, rộng 20.3mm, thân nẹp dày 3mm, rộng 12.3mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
109	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong	Cái	4	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp mặt trong có 3 lỗ đầu: sử dụng vít khóa 2.7mm dài 6-60mm, tự taro, thân nẹp có 3/4/5/6/7/8/9 lỗ, tương ứng chiều dài 58/71/84/97/110/123/136mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 13mm. - Đầu nẹp dày 1.7mm, rộng 11.4mm, thân nẹp dày 2.5mm, rộng 11.4 mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro, vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
110	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài	Cái	4	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp mặt ngoài có 6 lỗ đầu sử dụng vít khóa 2.7mm dài 6-60mm, tự taro, thân nẹp có 3/4/5/6/7/8/9 lỗ, tương ứng chiều dài 64/77/90/103/116/129/142 mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 13mm. - Đầu nẹp dày 2.5mm, rộng 20.7mm, thân nẹp dày 2.5mm, rộng 11.2mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro, vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
111	Nẹp khoá mỏm khuỷu	Cái	4	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 8 lỗ đầu, thân nẹp có 2/4/6/8/10/12 lỗ, tương ứng chiều dài 80/106/132/158/184/210mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 13mm. - Đầu nẹp dày 2mm, rộng 14.8mm, thân nẹp dày 2.9mm, rộng 10.1mm. - Sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro, vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.0mm dài 12-60mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
112	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	Cái	35	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 7 lỗ đầu sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 2.7mm dài 6-60mm, tự tar, thân nẹp có 2/3/4/5/7/9 lỗ, tương ứng chiều dài 51.5/59.5/67.5/75.5/83.5/91.5mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 8mm. - Đầu nẹp dày 1mm, rộng 25mm, thân nẹp dày 2.5mm, rộng 9.3mm. - Thân nẹp sử dụng B21: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
113	Nẹp khóa cẳng tay	Cái	25	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp thẳng có 4/5/6/7/8/9/10/12 lỗ thân, tương ứng chiều dài 51/66/81/96/107/122/135/159mm, khoảng cách lỗ 12mm. - Đầu nẹp dày 2mm, rộng 8.5mm, thân nẹp dày 3.2mm, rộng 11mm. - Sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro, vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro, vít xương cứng đường kính 4.0mm dài 12-60mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
114	Nẹp khóa đầu dưới xương quay đa hướng	Cái	25	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 7 lỗ đầu, sử dụng vít khóa đa hướng 2.7mm dài 6-60mm, tự taro, thân nẹp có 2/3/4/5/7/9 lỗ, tương ứng chiều dài 47/55/66/74/90/106mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 11mm. - Đầu nẹp dày 1.4mm, rộng 25.5mm, thân nẹp dày 2.4mm, rộng 8mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 2.7mm dài 6-60mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 2.7mm dài 6-50mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
115	Nẹp khóa đầu dưới xương trụ Y	Cái	13	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 8 lỗ thân, tương ứng chiều dài 46mm, khoảng cách lỗ 5mm. - Đầu nẹp rộng 4mm, thân nẹp dày 1.3mm, rộng 5mm. - Sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 2.0mm dài 6-30mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 2.0mm dài 6-30mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
116	Nẹp khoá bàn ngón thẳng	Cái	13	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp thẳng 1.5mm có 6/12 lỗ thân, tương ứng chiều dài 29.25/59.25mm, nẹp dày 1mm, rộng 4.25mm, khoảng cách lỗ 5mm. Sử dụng vít khóa đường kính 1.5mm dài 6-20mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 1.5mm dài 6-30mm, tự taro. - Nẹp thẳng 2.0mm, có 6/8/12/16 lỗ thân, tương ứng chiều dài 34.5/46.5/70.5/94.5mm, nẹp dày 1mm, rộng 4.6mm, khoảng cách lỗ 6mm. Sử dụng vít khóa đường kính 2.0mm dài 6-30mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 2.0mm dài 6-30mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
117	Nẹp khoá bàn ngón chữ Y	Cái	13	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp chữ Y 1.5mm có 4/8 lỗ thân, tương ứng chiều dài 25.75/45.75mm, nẹp dày 1mm, rộng 4.25mm, khoảng cách lỗ 5mm. Sử dụng vít khóa đường kính 1.5mm dài 6-20mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 1.5mm dài 6-30mm, tự taro. - Nẹp chữ Y 2.0mm, có 3/5/7 lỗ thân, tương ứng chiều dài 27.1/40.7/54.3mm, nẹp dày 1.3mm, rộng 5mm, khoảng cách lỗ 6.8mm. Sử dụng vít khóa đường kính 2.0mm dài 6-30mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 2.0mm dài 6-30mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
118	Nẹp khoá bàn ngón chữ T	Cái	13	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp chữ T 1.5mm, có 3 lỗ đầu, 4/8 lỗ thân, tương ứng chiều dài 24.25/44.25mm, nẹp dày 1mm, rộng 4.25mm, khoảng cách lỗ 5mm. Sử dụng vít khóa đường kính 1.5mm dài 6-20mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 1.5mm dài 6-30mm, tự taro. - Nẹp chữ T 2.0mm có 3 lỗ đầu, thân có 3/5/7 lỗ, tương ứng chiều dài 25.3/38.9/52.5mm, nẹp dày 1.3mm, rộng 5mm, khoảng cách lỗ 6.8mm. Sử dụng vít khóa đường kính 2.0mm dài 6-30mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 2.0mm dài 6-30mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
119	Nẹp khóa chỏm quay	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 4 lỗ đầu, thân nẹp 3/5 lỗ, tương ứng chiều dài 31/46mm, khoảng cách lỗ 15mm. - Đầu nẹp dày 1.7mm, rộng 18mm, thân nẹp dày 1.8mm, rộng 8.7mm. - Sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 2.7mm dài 6-60mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 2.7mm dài 6-50mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
120	Nẹp khóa mắt xích	Cái	13	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 4/5/6/7/8/10/12/14/16 lỗ thân, tương ứng chiều dài 46/58/70/82/94/118/142/166/190mm, khoảng cách lỗ 12mm. - Nẹp dày 3mm, rộng 10mm. - Sử dụng lỗ vít kết hợp: Vít khóa đường kính 3.5mm, dài 10-110mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
121	Nẹp khóa tái tạo cong	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 6/8/10/12/14/16 lỗ, tương ứng chiều dài 76/99/120/138.5/154.5/167.5mm, khoảng cách lỗ 10.5mm - Nẹp dày 3mm, rộng 10mm. - Sử dụng lỗ vít kết hợp: Vít khóa đường kính 3.5mm, dài 10-110mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
122	Nẹp khóa bản hẹp	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp thẳng có 5/6/7/8/9/10/12/14/16 lỗ thân, tương ứng chiều dài 96/114/132/150/168/186/222/240/258mm, khoảng cách lỗ 18mm - Nẹp dày 4mm, rộng 13mm. - Sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 5.0mm dài 10-120mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm dài 10-120mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
123	Nẹp khóa bản rộng	Cái	4	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp thẳng có 7/8/9/10/11/12/14/16/18 lỗ thân, tương ứng chiều dài 136/154/172/190/208/226/262/298/334mm, khoảng cách lỗ 18mm - Nẹp dày 6.3mm, rộng 18mm. - Sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 5.0mm dài 10-120mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm dài 10-120mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
124	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Cái	3	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 6 lỗ đầu: sử dụng vít khóa rỗng nòng đường kính 6.5mm dài 55-105mm, tự taro, thân nẹp từ 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12/13 lỗ, tương ứng chiều dài 120/138/156/174/192/210/228/246/264/282/300mm, trái/ phải, khoảng cách lỗ 18mm. - Đầu nẹp dày 3.8mm, rộng 29mm, thân nẹp dày 5.7mm, rộng 18mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 5.0mm dài 10-120mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm dài 10-120mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
125	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Cái	13	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 7 lỗ đầu, có 5/6/7/8/9/10/11/12/13 lỗ thân, tương ứng chiều dài 160/180/200/220/240/260/280/300/320mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 20mm. - Đầu nẹp dày 3.1mm, rộng 32mm, thân nẹp dày 5.6mm, rộng 16mm. - Sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 5.0mm dài 10-120mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm dài 10-120mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
126	Nẹp khóa DHS	Cái	3	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Góc cổ thân 130/135 độ, sử dụng vít chốt DHS đường kính 12.5mm, dài từ 50-110mm, bước tăng 5mm. - Thân nẹp có 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ, tương ứng chiều dài 82/100/118/136/154/172/190/208/226/244mm, khoảng cách lỗ 18mm. - Đầu nẹp dày 5.5mm, rộng 19mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 5.0mm dài 10-120mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm dài 10-120mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
127	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong chữ T	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp mặt trong chữ T có 3 lỗ đầu, có 4/6/8/10/12/14 lỗ thân, tương ứng chiều dài 104/140/176/212/248/284mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 18mm. - Đầu nẹp dày 2.2mm, rộng 28mm, thân nẹp dày 3.6mm, rộng 13mm - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 5.0mm dài 10-120mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm dài 10-120mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
128	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài chữ L	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp mặt ngoài chữ L có 3 lỗ đầu, thân nẹp có 4/6/8/10/12/14 lỗ, tương ứng chiều dài 82/118/154/190/226/262mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 18mm - Đầu nẹp dày 1.4mm, rộng 35mm, thân nẹp dày 3.7mm, rộng 13.6mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 5.0mm dài 10-120mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm dài 10-120mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
129	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp mặt trong có 4 lỗ đầu, thân nẹp có 3/5/7/9/11 lỗ, tương ứng chiều dài 96.5/132.5/168.5/204.5/240.5mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 18mm. - Đầu nẹp dày 3.4mm, rộng 36.5mm, thân nẹp dày 4.1mm, rộng 15.5mm. - Sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 5.0mm dài 10-120mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm dài 10-120mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
130	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp mặt ngoài có 3 lỗ đầu, thân nẹp có 5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/15 lỗ, tương ứng chiều dài 104/124/144/164/184/204/224/244/264/284/304mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 20mm. - Đầu nẹp dày 3.1mm, rộng 22mm, thân nẹp dày 4.7mm, rộng 16mm, - Sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 5.0mm dài 10-120mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm dài 10-120mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
131	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp mặt trong có 9 lỗ đầu, thân nẹp có 6/8/10/12/14 lỗ, tương ứng chiều dài 148/174/200/226/252mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 13mm. - Đầu nẹp dày 2.0mm, rộng 20.5mm, thân nẹp dày 4.0mm, rộng 10.5mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro, vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
132	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trước	Cái	4	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp mặt trước có 6 lỗ đầu, thân nẹp có 4/6/8/10/12/14/16 lỗ, tương ứng chiều dài 82/112/142/172/202/232/262mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 15mm. - Đầu nẹp dày 2.4mm, rộng 32.5mm, thân nẹp dày 3.4mm, rộng 15mm. - Sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro, vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.0mm dài 12-60mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
133	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	Cái	13	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 8 lỗ đầu, sử dụng vít khóa 2.7mm, dài 6-60mm, tự taro, thân nẹp có 3/4/5/6/7/9 lỗ, tương ứng chiều dài 84/97/110/123/136/162mm, trái/phải, khoảng cách lỗ 13mm. - Đầu nẹp dày 1.4mm, rộng 15mm, thân nẹp dày 2.5mm, rộng 11.5mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ vít kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro, vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 12-110mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
134	Nẹp khoá lòng máng	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp thẳng có 5/6/7/8/10/12 lỗ thân, tương ứng chiều dài 64/76/88/100/124/148mm, khoảng cách lỗ 12mm. - Nẹp dày 2mm, rộng 10mm. - Sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
135	Nẹp khóa xương gót	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Nẹp có 11 lỗ, đầu nẹp dày 2mm, thân nẹp dày 1.5mm. Kích thước nẹp nhỏ/trung bình/lớn, tương ứng chiều dài 59/67.5/72mm, trái/phải. - Sử dụng vít khóa đầu dẹp đường kính 3.5mm dài từ 12-60mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 10-110mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
136	Vít rỗng nén ép không đầu đường kính 2.5mm	Cái	4	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít có đường kính 2.5mm dài từ 8-30mm, - Đầu vít đường kính 2.5mm, đường kính thân vít 2.4-2.5mm, đường kính lõi 1.7mm, bước ren 0.6-0.8mm, vít rỗng tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
137	Vít rỗng nén ép không đầu đường kính 6.5mm	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít có đường kính 6.5mm dài từ 25-100mm, bước tăng 5mm. - Đầu vít đường kính 8.0mm, đường kính thân vít 6.5mm, đường kính lõi 4.5mm, bước ren 2.75mm, vít rỗng tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
138	Vít xốp rỗng nòng đường kính 3.5mm	Cái	6	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít xốp rỗng nòng đường kính 3.5mm, dài từ 20-50mm, bước tăng 2mm - Đầu vít đường kính 5.0 mm, đường kính thân vít 3.5mm, đường kính lõi 2.5mm, bước ren 1.25mm, vít rỗng tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
139	Vít xốp rỗng nòng đường kính 7.3mm	Cái	3	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít xốp rỗng nòng đường kính 7.3mm, dài từ 35-150mm, bước tăng 5mm. - Đầu vít đường kính 8.0 mm, đường kính thân vít 7.3mm, đường kính lõi 5.0mm, bước ren 2.75mm, vít rỗng tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
140	Vít khóa đường kính 2.0mm	Cái	187	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít khóa đường kính 1.5mm dài 6-30mm, từ 6-12mm bước tăng 1mm, từ 12-30mm bước tăng 2mm, tự taro - Đầu vít đường kính 3.0 mm, đường kính thân vít 2.0mm, đường kính lõi 1.5mm, bước ren 0.7mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
141	Vít khóa đường kính 1.5mm	Cái	187	Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít khóa đường kính 1.5mm dài 6-20mm, từ 6-20mm bước tăng 1mm, tự taro - Đầu vít đường kính 2.3 mm, đường kính thân vít 1.5mm, đường kính lõi 1mm, bước ren 0.6mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
142	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	325	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít khóa đường kính 2.7mm, dài 6-60mm, từ 6-30mm bước tăng 2mm, từ 30-60mm bước tăng 5mm, tự taro - Đầu vít đường kính 3.5mm, đường kính thân vít 2.7mm, đường kính lõi 2mm, bước ren 0.7mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
143	Vít khóa (đa hướng)	Cái	63	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít khóa đa hướng đường kính 2.7mm, dài 6-60mm, từ 6-30mm bước tăng 2mm, từ 30-60mm bước tăng 5mm, tự taro - Đầu vít đường kính 3.4mm, đường kính thân vít 2.7mm, đường kính lõi 2mm, bước ren 0.7mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
144	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	525	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít xương cứng đường kính 3.5mm, dài 10-110mm, từ 10-50mm, bước tăng 2mm, từ 50-110mm bước tăng 5mm, tự taro - Đầu vít đường kính 4.8mm, đường kính thân vít 3.5mm, đường kính lõi 2.8mm, bước ren 0.8mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
145	Vít khóa đầu dẹp đường kính 3.5mm	Cái	50	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít khóa đầu dẹp đường kính 3.5mm, dài 12-60mm, từ 12-40mm bước tăng 2mm, từ 40-60mm bước tăng 5mm. - Đầu vít đường kính 5.1mm, đường kính thân vít 3.5mm, đường kính lõi 2.3mm, bước ren 0.8mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
146	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	300	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 10-120mm, từ 10-50mm bước tăng 2mm, từ 50-120mm bước tăng 5mm. - Đầu vít đường kính 6.7mm, đường kính thân vít 5.0mm, đường kính lõi 4.2mm, bước ren 1mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
147	Vít khóa rỗng nòng đường kính 6.5mm	Cái	13	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít khóa rỗng nòng đường kính 6.5mm, dài 50-120mm, bước tăng 5mm. - Đầu vít đường kính 8.9mm, đường kính thân vít 6.5mm, đường kính lõi 5mm, bước ren 2mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
148	Vít xương cứng đường kính 1.5mm	Cái	63	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít xương cứng đường kính 1.5mm, dài 6-30mm, từ 6-20mm bước tăng 1mm, từ 20-30mm bước tăng 2mm. - Đầu vít đường kính 3.0mm, đường kính thân vít 1.5mm, đường kính lõi 1mm, bước ren 0.6mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
149	Vít xương cứng đường kính 1.5mm	Cái	40	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít xương cứng đường kính 1.5mm, dài 6-30mm, từ 6-20mm, bước tăng1mm, từ 20-30mm, bước tăng 2mm. - Đầu vít đường kính 3.0mm, đường kính thân vít 1.5mm, đường kính lõi 1mm, bước ren 0.6mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
150	Vít xương cứng đường kính 2.0mm	Cái	40	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít xương cứng đường kính 2.0mm, dài 6-30mm, bước tăng 2mm. - Đầu vít đường kính 2.8mm, đường kính thân vít 2.0mm, đường kính lõi 1.4mm, bước ren 0.8mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
151	Vít xương cứng đường kính 2.7mm	Cái	40	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít xương cứng đường kính 2.7mm, dài 6-50mm bước tăng 2mm. - Đầu vít đường kính 5.0mm, đường kính thân vít 2.7mm, đường kính lõi 1.8mm, bước ren 1mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
152	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	225	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít xương cứng đường kính 3.5mm, dài 10-110mm, từ 10-50mm, bước tăng 2mm, từ 50-110mm bước tăng 5mm, tự taro - Đầu vít đường kính 6.0mm, đường kính thân vít 3.5mm, đường kính lõi 2.4mm, bước ren 1.25mm, tự taro. - Tiêu chuẩn ISO	
153	Vít xương cứng đường kính 4.0mm	Cái	25	- Chất liệu titanium TC4 (Ti6Al4V) - Vít xương cứng đường kính 4.0mm, dài 12-60mm, từ 12-50mm bước tăng 2mm, từ 50-60mm bước tăng 5mm - Đầu vít đường kính 6.0mm, đường kính thân vít 4.0mm, đường kính lõi 2.4mm, bước ren 1.75mm, tự taro - Tiêu chuẩn ISO	
154	Bộ Đinh nội tủy rỗng nòng xương đùi đa phương diện các cỡ, chất liệu titanium	Bộ	2	- Chất liệu Titanium Alloy - Đinh rỗng nòng phân biệt trái/phải - Đường kính đầu 13mm; đường kính thân 9.5/10/11/12mm; chiều dài từ 320 - 440mm, phần đầu đinh cong 5 độ. - Đầu đinh dùng vít khóa tái tạo đinh nội tủy xương đùi dài đường kính 6.3mm hoặc Vít khóa đinh nội tủy đa phương diện 4.5mm - Thân đinh có lỗ khóa kết hợp linh động dùng Vít khóa đinh nội tủy đa phương diện 4.5mm hoặc 5.0mm - Độ dày thành đinh 5.0/5.5mm - Vít nắp đinh xương đùi đa phương diện, chiều dài đinh nắp 0,5,10,15mm - Trợ cụ tương thích - Tiêu chuẩn chất lượng ISO.	
155	Bộ Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện các cỡ	Bộ	2	- Đinh nội tủy xương chày đa phương diện - Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính 8.3/9/10/11.5mm - Chiều dài từ 260 - 420mm - Vít khóa đinh nội tủy chất liệu Titanium, đường kính 4.5 hoặc 5.0mm, dài 26 - 100mm - Vít nắp đinh xương chày đa phương diện, chiều dài đinh nắp 0,5,10,15mm - Trợ cụ tương thích. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO.	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
156	Bộ đinh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện loại II	Bộ	3	Đinh nội tủy rỗng nòng: - Chất liệu Titanium Alloy Ti-6Al-4V - Đường kính đầu 12.0mm, cong góc 10 độ ở vị trí cách đầu đinh 38mm - Đường kính thân 8.3/9/10/11.0mm. - Lỗ kết hợp di động 10mm (khoảng cách kết hợp 7mm) - Đầu dưới mặt trước cong 2 độ, ở vịt trí cách đầu dưới 50mm - Chiều dài 250-415mm - Đinh phủ màu vàng - Đầu trên đinh và thân đinh gồm 1 lỗ kết hợp chuyển động và 3 lỗ khóa có ren dùng Vít khóa đinh nội tủy đường kính 5.0mm màu xanh - Đầu dưới đinh gồm 2 lỗ mặt bên và 1 lỗ mặt trước dùng Vít khóa đinh nội tủy đường kính 4.3mm màu vàng bình diện AP, 4.5mm mà xanh bình diện bên - Độ dày thành đinh: 1.8mm với đinh đường kính 8.3mm, 2.85mm với đinh đường kính 11.0 - Đường kính trong: 4.7 mm với đinh đường kính 8.3mm, 5.3mm với đinh đường kính 9.0-11.0mm - Vít nắp đinh xương xương chày đa phương diện - Trợ cụ tương thích Vít khóa đầu trên - Dùng các vít khóa đinh nội tủy đường kính 5.0mm màu xanh, dùng mũi khoan 4.1mm - 1 lỗ kết hợp cho phép di chuyển 7mm, cách đầu 17mm - 2 lỗ khóa có ren cách đầu lần lượt 23/30/40mm - Chiều dài từ 30-95mm, chiều dài chức năng 25-90mm. - Chất liệu titanium Alloy.	
157	Vít xốp rỗng nòng 2 bước ren, dài 10 - 40mm	Bộ	3	- Chất liệu titanium alloy - Đường kính 2.4mm ứng với chiều dài từ 18-40mm, đường kính K-wire 1.2mm - Đường kính 3.0mm ứng với chiều dài từ 16-40mm, đường kính K-wire 1.2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE	
158	Bộ Nẹp khóa đa hướng nén ép tái tạo xương đòn trái/ phải các cỡ	Bộ	25	- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Thân nẹp có 6 - 10 lỗ, tương ứng chiều dài từ 103.2 - 140.2mm (Trái/ phải) - Độ dày 3.2mm, thân nẹp rộng 11mm - Nẹp dùng vít: Vít vỏ Ø 3.5mm, dài từ 10-60mm, Vít khoá Ø 3.5mm , dài từ 10-80mm. Bước tăng 2mm và tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
159	Bộ nẹp khóa đa hướng đầu ngoài xương đòn, trái/phải các loại	Bộ	6	- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Trái/ phải - Độ dày 3.3mm, thân nẹp rộng 10.5mm - Đầu nẹp có 7 lỗ, dùng vít : + Vít khoá Ø 2.7mm + Vít khoá đa hướng Ø 2.7mm - Thân nẹp có 3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8 lỗ trái/phải, tương ứng chiều dài 68/ 80/ 92/ 104/ 116/ 128mm, dùng vít : - Dùng vít khoá Ø 3.5mm dài từ 10-80mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm - Dùng vít vỏ Ø 3.5mm dài từ 10-60mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm - Tiêu chuẩn CE/ISO 13485	
160	Bộ nẹp khóa bàn ngón 1.5/2.0	Bộ	25	Nẹp khóa loại thẳng 1.5/2.0: - Vật liệu Pure Titanium - Dày 1/1.3mm, rộng 4.3/5mm, chiều dài 23/36/31/38/45/52/59mm - Nẹp có 4/5/6/7/8 lỗ - Dùng vít khóa đường kính 1.5/2.0m/Vít xương cứng đường kính 1.5/2.0mm Nẹp khóa chữ Y 1.5/2.0: - Vật liệu Pure Titanium - Dày 1/1.3mm, rộng 4.3/5mm, chiều dài 46.35/54.7mm - Nẹp có 3 lỗ đầu, 7/8 lỗ thân. - Dùng vít khóa đường kính 1.5/2.0m/Vít xương cứng đường kính 1.5/2.0mm - Nẹp khóa chống đỡ 1.5: độ dày 1mm, rộng 12mm, chiều dài 23mm. +Vật liệu Pure Titanium - Nẹp khóa mini chữ H: độ dày 1.3mm, chiều rộng 10mm, chiều dài 13mm. - Nẹp khóa lồi cầu mini 2.0: độ dày 1.3mm, chiều rộng 5mm, chiều dài 41mm. 'Vít khóa đường kính 1.5mm: - Vật liệu: Titanium alloy - Đường kính 1.5mm, đường kính lõi 1.1mm - Chiều dài từ 6-24mm Vít khóa đường kính 2.0mm: - Vật liệu: Titanium alloy - Đường kính 2.0mm, đường kính lõi 1.4mm - Chiều dài từ 6-30mm 'Vít xương cứng đường kính 1.5mm: - Vật liệu: Titanium alloy - Đường kính 1.5mm, đường kính lõi 1.1mm	
161	Bộ nẹp khóa xương gót các cỡ	Bộ	3	- Nẹp khóa đa hướng xương gót - Chất liệu Titanium nguyên chất - Độ dày nẹp 1.5mm - Chiều rộng nẹp 36mm/37.3mm - Số lỗ trên nẹp từ 12 đến 16 lỗ, tương ứng chiều dài 60/64/68/70/78mm - Dùng vít khoá Ø 3.5mm dài từ 10-80mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm - Dùng vít vỏ Ø 3.5mm dài từ 10-60mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
162	Bộ nẹp khóa đùi các cỡ	Bộ	3	- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Độ dày 5.8mm, thân nẹp rộng 15.5mm - Khoảng cách lỗ 18mm - Thân nẹp có 6 - 18 lỗ, tương ứng chiều dài từ 107 - 323mm, dùng vít : Vít khoá Ø 5.0mm dài từ 14-90mm, Vít vỏ Ø 4.5mm dài từ 12-80mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE	
163	Bộ Nẹp khóa đa hướng nén ép bản hẹp.	Bộ	3	- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Độ dày 3.8mm, thân nẹp rộng 12mm, Khoảng cách lỗ 13mm - Thân nẹp có 4 - 16 lỗ, tương ứng chiều dài 51 - 207mm, dùng vít : + Vít vỏ Ø 3.5mm dài từ 10-60mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm + Vít khoá Ø 3.5mm dài từ 10-80mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE	
164	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, ba mảnh	Cái	63	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, ba mảnh, phi cầu - 2 Càng C - Đường kính tổng: ≥ 13mm - Chỉ số khúc xạ: ≤ 1.47 - Kích thước vết mổ: ≤ 2.4mm	
165	Cồn khô Alcohol Pads	Miếng	200		
166	Băng keo cuộn	Cuộn	3.000	Vải không dệt, thành phần là bột giấy polyester, phủ keo acrylic(25mmx6m)	
167	Bình làm ẩm	Cái	5	Bình làm ẩm dùng cho máy thở INSPIRED	
168	Băng cố định 10cm x 12cm	Miếng	125	Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2% dùng cố định catheter tĩnh mạch trung tâm - Màng film Polyurethane, phủ lớp keo Acrylate ≤ 15%; chính giữa có Gel CHG kháng khuẩn 35 - 45%, kích thước 3 x 4cm; xung quanh viền vải không dệt; - Đặc tính: Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính ≥27nm, thấm máu và dịch tiết. Viền vải xung quanh giúp cố định chắc chắn hơn. Nền keo Acrylate, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da. Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. Có tích hợp sẵn các đoạn băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch - Thời gian lưu đến 7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	
169	Bột băng vết loét 45g	Tuýp	375	- Hỗ trợ điều trị các vết thương hở và loét da	
170	Bột băng vết loét 25g	Tuýp	125	- Hỗ trợ điều trị các vết thương hở và loét da	
171	EasyLyte Urine Diluent	Chai/500ml	2	Hóa chất pha loãng mẫu nước tiểu dùng cho máy xét nghiệm điện giả	
172	Hóa chất chương trình ngoại kiểm vi sinh lâm sàng	Chai/lọ	1	Hóa chất chương trình ngoại kiểm vi sinh lâm sàng	
173	Hóa chất chương trình ngoại kiểm TPT Nước tiểu	Chai/lọ	1	Hóa chất chương trình ngoại kiểm TPT Nước tiểu	
174	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Định nhóm máu và An toàn truyền máu	Chai/lọ	1	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Định nhóm máu và An toàn truyền máu	
175	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Phết máu ngoại biên	Chai/lọ	1	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Phết máu ngoại biên	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
176	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Huyết thanh học Viêm gan B,C	Chai/lọ	1	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Huyết thanh học Viêm gan B,C	
177	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Sốt xuất huyết Dengue	Chai/lọ	1	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Sốt xuất huyết Dengue	
178	KOH 10%	chai	1	KOH 10%	
179	Bộ nẹp khóa đa hướng đầu trên xương cánh tay các cỡ (trái/phải), chất liệu titanium	Bộ	2	- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Độ dày 3.2mm, thân nẹp rộng 12mm - Đầu nẹp có 9 lỗ, dùng vít : Vít khoá Ø 3.5mm, dài từ 10-80mm, Vít khoá đa hướng Ø 3.5mm dài từ 10-80mm, Vít xốp rỗng nòng Ø 4.0mm. - Thân nẹp có từ 3 - 12 lỗ, tương ứng chiều dài từ 96 - 258mm, dùng vít : + Vít vỏ Ø 3.5mm dài từ 10-60mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm + Vít khoá Ø 3.5mm, dài từ 10-80mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE	
180	Bộ nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương cánh tay mặt trong/mặt ngoài (trái/phải)	Bộ	2	- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Trái/ phải, Độ dày 2.8mm, thân nẹp rộng 11.2mm - Đầu nẹp có 3 lỗ,dùng vít : Vít khoá Ø 2.7mm dài từ 6-40mm, Vít khoá đa hướng Ø 2.7mm dài từ 6-40mm - Thân nẹp có 3 - 14 lỗ, tương ứng chiều dài từ 65 - 208mm, dùng vít : + Vít vỏ Ø 3.5mm dài từ 10-60mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm + Vít khoá Ø 3.5mm dài từ 10-80mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE	
181	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay đa hướng	Bộ	20	- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Trái/ phải, Độ dày 1.7mm, thân nẹp rộng 19.5mm - Đầu nẹp có 7 lỗ, dùng vít : + Vít khoá Ø 2.4mm + Vít khoá đa hướng Ø 2.4mm + Vít khoá Ø 2.7mm dài từ 6-40mm + Vít khoá đa hướng Ø 2.7mm dài từ 6-40mm - Thân nẹp có 2 - 5 lỗ, tương ứng chiều dài 54 - 81mm, dùng vít : Vít vỏ Ø 2.4/ 2.7mm dài từ 6-40mm, Vít khoá Ø 2.7mm dài từ 6-40mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE	
182	Bộ nẹp khóa đầu ngoài có móc xương đòn trái/phải, các cỡ kèm vít	Bộ	2	- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Trái/ phải, Độ dày 3mm, thân nẹp rộng 11mm và có móc 12mm/15mm - Đầu nẹp có 3 lỗ, dùng vít : Vít khoá Ø 2.7mm dài từ 6-40mm,Vít khoá đa hướng Ø 2.7mm dài từ 6-40mm - Thân nẹp có 2 - 7 lỗ, tương ứng chiều dài từ 44 - 94mm đối với nẹp có móc 12mm và chiều dài từ 45-95mm đối với nẹp có móc 15mm, dùng vít : + Vít vỏ Ø 3.5mm dài từ 10-60mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm + Vít khoá Ø 3.5mm dài từ 10-80mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
183	Bộ nẹp khóa đa hướng mõm khuỷu các cỡ (trái/phải)	Bộ	1	- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Trái/ phải, Độ dày 2.8mm, thân nẹp rộng 10mm - Đầu nẹp có 8 lỗ, dùng vít : Vít khoá Ø 2.7mm dài từ 6-40mm, Vít khoá đa hướng Ø 2.7mm dài từ 6-40mm - Thân nẹp có 4 - 12 lỗ, tương ứng chiều dài từ 112 - 216mm, dùng vít : + Vít vỏ Ø 3.5mm dài từ 10-60mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm + Vít khoá Ø 3.5mm dài từ 10-80mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE	
184	Bộ nẹp khóa cẳng tay các cỡ	Bộ	5	- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Độ dày 2mm, thân nẹp rộng 9.5mm - Khoảng cách lỗ 13mm - Thân nẹp có 4 - 12 lỗ, tương ứng chiều dài từ 60 - 164mm, dùng vít : Vít vỏ Ø 3.5mm dài từ 10-60mm, Vít khoá Ø 3.5mm dài từ 10-80mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE	
185	Bộ nẹp khóa đa hướng đầu trên xương đùi mặt bên các cỡ (trái/phải) Bộ nẹp đa hướng đầu dưới xương đùi các cỡ (trái/phải) Bộ Nẹp khóa đa hướng nén ép đầu trên xương chày mặt ngoài các cỡ. Bộ nẹp khoá đa hướng đầu dưới xương chày mặt trong (trái/phải)	Bộ	2	- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Trái/ phải, Độ dày 5mm, thân nẹp rộng 18.0mm - Đầu nẹp 5 lỗ, dùng vít : + Vít khoá Ø 5.0mm dài từ 14-90mm + Vít khoá đa hướng Ø 5.0mm dài từ 12-100mm + Vít khoá rỗng nòng ren bán phần Ø 5.5mm dài vít từ 50-100mm - Thân nẹp có 3 - 12 lỗ, tương ứng chiều dài từ 125 - 305mm, dùng vít: Vít khoá Ø 5.0mm dài từ 14-90mm, Vít vỏ Ø 4.5mm dài từ 12-80mm '- Nẹp khóa chất liệu Pure Titanium - Trái/ phải, Độ dày 5.8mm, thân nẹp rộng 16mm, Khoảng cách lỗ 20mm - Đầu nẹp 7 lỗ, dùng vít : + Vít khoá Ø 5.0mm dài từ 14-90mm + Vít khoá đa hướng Ø 5.0mm dài từ 12-100mm + Vít khoá rỗng nòng bán phần Ø 5.5mm, dài từ 50- 100mm - Thân nẹp có 5 - 13 lỗ, tương ứng chiều dài từ 156 - 316mm, dùng vít: Vít khoá Ø 5.0mm dài từ 14-90mm, Vít vỏ Ø 4.5mm dài từ 12-80mm 'Nẹp khóa đa hướng nén ép đầu trên xương chày 3.5mm: '- Chất liệu hợp kim Titanium - Trái/ phải, Độ dày 4mm/3.2mm, thân nẹp rộng 14mm/14.2mm - Khoảng cách lỗ 20mm - Đầu nẹp có 3/4 lỗ, dùng vít : + Vít khoá Ø 3.5mm dài từ 10-80mm bước tăng 2mm và tăng 5mm + Vít khoá đa hướng Ø 3.5mm dài từ 10-80mm + Vít xốp rỗng nòng Ø 4.0mm dài từ 32-88mm - Thân nẹp có 3 -10 lỗ, tương ứng chiều dài từ 68 - 180mm và 9-15 lỗ tương ứng chiều dài 120 - 240mm dùng vít : + Vít vỏ Ø 3.5mm dài từ 10-60mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm + Vít khoá Ø 3.5mm dài từ 10-80mm, bước tăng 2mm và tăng 5mm	
186	Dây bơm nước dùng cho máy bơm y tế	cái	2	Chất liệu: 100% làm từ silicone	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
187	Catheter tĩnh mạch rốn các số	cái	8	Dùng để truyền dịch, truyền máu, đo áp lực tĩnh mạch trung tâm, truyền thuốc	
188	Bộ đặt IBP	Bộ	2	Dùng để đo huyết áp động mạch xâm lấn liên tục và chính xác trên máy theo dõi bệnh nhân.	
189	Miếng dán phẫu thuật	cái	100	- Băng dán phẫu thuật vô trùng 15 x 20cm	
190	Dây truyền quang	cái	2	Cấu tạo: Lõi kính thạch anh, lớp phủ polyme cứng Kích cỡ: 550µm, độ dài: 3.0m Tương thích, đồng bộ với máy tán sỏi Laser Accutech.	
191	Ống cook - Ống đặt nội khí quản khó	cái	2	- Sử dụng đặt nội khí quản khó, chiều dài ≥ 700mm	
192	Ống Thông khí đường mũi PVC các số	cái	2	Chất liệu Nhựa PVC y tế mềm, bề mặt nhẵn,	
193	Giấy điện tim 12 cần	Xấp	49	Kích thước 210mm x 140 mm x 200 tờ, có sọc	
194	Mũi mài nhựa	Mũi	5	- Sử dụng trong nha khoa	
195	Dung dịch làm sạch ống hút nước bọt	Chai	6	- hóa chất chuyên dụng dùng trong nha khoa để khử khuẩn, khử mùi, và loại bỏ màng sinh học (biofilm) cùng cặn bẩn trong hệ thống ống hút ghế nha	
196	Dây điện máy châm cứu	Sợi	264	- Giắc vuông/tròn sử dụng cho máy châm cứu KWWD-808I	
197	Ngải cứu	Cây	1.000	- Thành phần: Ngải nhung đặc chế, Hương liệu dược thảo, ...	
198	Dây thun có miếng dán (dùng để quấn vai cho bệnh nhân khi đặt miếng điện cực của máy điện xung)	Sợi	10	- Dùng để cố định miếng dán điện xung không keo, cố định xung từ trường, cố định miếng xung nhiệt	
199	Bình làm ẩm	Cái	1	- Dùng cho máy thở Airvo2	

Đơn vị:

Địa chỉ: Mail:

Điện thoại:

PHỤ LỤC 2

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Tân Phú

Căn cứ Thông báo chào giá số 3102 /TB-BVĐKTP ngày 12 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Phú, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế và dịch vụ liên quan:

STT	STT theo thông báo chào giá	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Qui cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) đã có VAT	Thành tiền (VNĐ)	Tính năng kỹ thuật	Ghi chú
1	.....											
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, các tài liệu liên quan của vật tư và các tài liệu theo yêu cầu báo giá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có)



PHỤ LỤC 3

NGƯỜI GỬI:
Tên công ty:
Địa chỉ:
Điện thoại liên hệ:

BẢNG BÁO GIÁ

(Theo Yêu cầu báo giá số 3102/TB-BVĐKTP ngày 12 tháng 11 năm 2026)

NGƯỜI NHẬN: PHÒNG VẬT TƯ – THIẾT BỊ Y TẾ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN PHÚ
ĐỊA CHỈ: 609-611 ÂU CƠ, PHƯỜNG TÂN PHÚ, TP.HCM

NĂM 2026